

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2022/DS**

Ngày 03/11/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tám

2. Ông Điều Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Mai Phi Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 61/2022/TLST –DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 2, H, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1977- Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh ngân hàng A - Chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Theo giấy ủy quyền số 53/2021-UQTA ngày 27/12/2021). (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Đỗ Danh H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Phương Y, sinh năm 1995 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2021 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11 tháng 07 năm 2019, Ngân hàng có ký với (ông) Đỗ Danh H hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-201904055 Theo đó, Ngân hàng đã cho ông Đỗ Danh H vay số tiền là: 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9.8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay vốn là chăm sóc cà phê, điều, tiêu, trồng tiêu, làm hệ thống tưới. Ngân hàng đã giải ngân số tiền là 300.000.000 đồng vào ngày 11/07/2019. Kỳ hạn trả nợ gốc 1 kỳ: số tiền 300.000.000 đồng, vào ngày 11/7/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Đỗ Danh H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 270539/HĐTC-QSDĐ ngày 09/7/2019, thế chấp quyền sử dụng đất số: CB 077 414 do Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập cấp ngày 29/07/2015; diện tích: 7.574,1m²; tọa lạc tại thôn 2 K, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; tờ bản đồ số: 03; thửa đất số 321.

Tuy nhiên, đến nay đã quá kỳ hạn trả nợ gốc và lãi nhưng ông Đỗ Danh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo thỏa thuận. Nay, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết buộc ông Đỗ Danh H có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/7/2019 đến ngày 03/11/2022 là: 105.326.630 đồng.

Nếu ông H không trả được nợ, ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý tài sản đảm bảo là: diện tích đất 7.574,1m²; tọa lạc tại thôn 2 K, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; tờ bản đồ số: 03; thửa đất số 321, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01861/CNTT+HT do UBND huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Đỗ Danh H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 270539/HĐTC-QSDĐ ngày 09/7/2019

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm!

2. Bị đơn ông Đỗ Danh H: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương Y trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 8 năm 2022:

Bà Y là vợ của ông Đỗ Danh H có đăng ký kết hôn vào năm 2018, nhưng vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Khi ông H vay tiền của Ngân hàng A bà Y không biết, bà Y có nghe ông H nói là có vay của Ngân hàng A tiền, nhưng bà Y không biết vay cụ thể bao nhiêu tiền và không sử dụng vào mục đích chung của hai vợ chồng. Đối với diện tích đất 7574,1m² tọa lạc tại thôn 2 K, xã Đ, tỉnh Bình Phước là tài sản riêng của ông H có trước khi kết hôn với bà Y. Nay ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Danh H trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi suất thì bà Y không có ý kiến gì, khoản vay này không có liên quan đến bà Y, ông H vay thì ông H có trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng A.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 203, 205, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Danh H có nghĩa vụ trả cho ngân hàng A số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi suất trong hạn, quá hạn theo luật định.

Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Đỗ Danh H không trả được nợ thì ngân hàng A được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng do nguyên đơn ngân hàng A thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn ông Đỗ Danh H và tài sản thế chấp đều tọa lạc tại thôn 2 K, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn

vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương Y có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Danh H, bà Nguyễn Thị Phương Y.

Ông Đỗ Danh H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1. Về số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào HĐTD 5617-LAV-201904055 ngày 11/7/2019 thể hiện ông Đỗ Danh H có vay của ngân hàng A chi nhánh huyện Bù Gia Mập số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9.8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay vốn là chăm sóc cà phê, điều, tiêu, trồng tiêu, làm hệ thống tưới. Xét thấy, việc ký hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A và ông H là tự nguyện, có điều khoản rõ ràng, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 90 của Luật các tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu một trong các bên vi phạm thì phải chịu chế tài.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng A chi nhánh huyện Bù Gia Mập đã giải ngân số tiền 300.00.000 đồng cho ông H, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ ngày 11/7/2022 thì ông H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng. Điều này được chứng minh qua Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, bảng kê tính lãi. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng A chi nhánh huyện Bù Gia Mập buộc ông H trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng là có đủ căn cứ nên được chấp nhận.

3.2. Về tiền lãi suất: Ngân hàng yêu cầu ông H trả số tiền lãi suất tính từ ngày 11/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất như sau:

Lãi suất trong hạn tính từ ngày 11/7/2019 đến ngày 11/7/2022 là: 56.401.644 đồng.

Lãi suất quá hạn tính từ ngày 12/7/2022 đến ngày 03/11/2022 là 48.924.986 đồng.

Xét thấy, mức lãi suất mà ngân hàng yêu cầu mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên yêu cầu về lãi suất của Ngân hàng được chấp nhận, buộc ông Đỗ Danh Hậu phải có nghĩa vụ trả tiền lãi suất cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 03/11/2022 là 405.326.630 đồng.

3.3. Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 270539/HĐTC-QSDĐ ngày 09/7/2019 thể hiện: Để đảm bảo khoản vay vốn 300.000.000 đồng thì ông H có thể chấp cho Ngân hàng A chi nhánh huyện Bù Gia Mập quyền sử dụng đất gồm: diện tích đất 7.574,1m²; tọa lạc tại thôn 2 K, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; tờ bản đồ số: 03; thửa đất số 321, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01861/CNTT+HT do UBND huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Đỗ Danh H. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng từ khi ký hợp đồng thế chấp tài sản đến nay không có thay đổi gì. Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 270539/HĐTC-QSDĐ ngày 09/7/2019 đảm bảo vay vốn là tự nguyện, đúng chủ thể, được công chứng và tài sản thế chấp được đăng ký bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập. Hợp đồng có mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 293, 295, 298, 318, 319, 500, 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188 của luật đất đai năm 2013 và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực từ thời điểm đăng ký thế chấp, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, trong trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích đất: diện tích đất 7.574,1m²; tọa lạc tại thôn 2 K, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; tờ bản đồ số: 03; thửa đất số 321, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01861/CNTT+HT do UBND huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Đỗ Danh Hậu để thu hồi nợ cho ngân hàng.

[4]. Về số tiền chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000 đồng, ông Đỗ Danh Hậu phải chịu. Do Ngân hàng A đã tạm ứng số tiền chi phí trên nên cần buộc ông Đỗ Danh H có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng A.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Danh H phải nộp theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 119; 293, 295, 298, 318, 319, 468, 500, 502 của Bộ luật dân sự 2015

- Khoản 3 Điều 167, Điều 188 của luật đất đai năm 2013

- Các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Đỗ Danh H phải trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và số tiền lãi suất tính đến ngày 03/11/2022 là 105.326.630 đồng (*Một trăm linh năm triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi đồng*)

Tổng số tiền ông Đỗ Danh H phải có nghĩa vụ trả là 405.326.630 đồng (*Bốn trăm linh năm triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Danh H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Đỗ Danh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm diện tích đất diện tích đất 7.574,1m²; tọa lạc tại thôn 2 K, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; tờ bản đồ số: 03; thửa đất số 321, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01861/CNTT+HT do UBND huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Đỗ Danh H vào ngày 29/7/2015.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), ông Đỗ Danh H phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng A.

3. Ấn phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Đỗ Danh H phải nộp số tiền 20.213.065 đồng (*Hai mươi triệu hai trăm mười ba nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng*)

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 9.515.000 đồng (*Chín triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006174 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ TUYẾT

